

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2018

V/v tranh chấp:

“Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mạc Thị Hồng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Phạm Thị Phương

- **Thư ký phiên toà:** bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà:**

Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018, về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nông Thị T, sinh năm 1991 (có mặt)

HKTT: thôn R, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Tạm trú: TDP A, phường Đ, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Bị đơn: anh Phạm Văn H, sinh năm 1991 (có mặt)

HKTT: thôn R, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Tạm trú: TDP Đ, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày: chị và anh Phạm Văn H kết hôn năm 2012, có ĐKKH kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn chị chuyển hộ khẩu của chị từ gia đình chị tại xóm 6, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên về nhập khẩu cùng gia đình anh Hùng tại thôn R, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Một năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ làm công nhân tại công ty SamSung Bắc Ninh, sang năm 2013 công ty SamSung tại

Phổ Yên hoạt động vợ chồng chuyển về Phổ Yên làm. Năm 2014 chị sinh con có về nhà anh H 1 tháng sau khi sinh, sau khi con được đầy tháng vợ chồng đưa con về nhà bố mẹ để chị ở cùng bố mẹ khoảng 1 năm thì thuê nhà trọ gần công ty sống, con chung do bố mẹ chị chăm sóc, anh chị chỉ thỉnh thoảng về thăm con.

Về quan hệ vợ chồng: chung sống một thời gian ngắn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi cọ, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng thực sự ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, yêu cầu được ly hôn, xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Phạm Duy M, sinh ngày 14/8/2014. Con chung từ khi vợ chồng ly thân vẫn do chị cùng bố mẹ chị chăm sóc. Thời gian đầu sau khi ly thân anh H còn thăm con, sau đó không thăm nom con nữa. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung

Công nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: anh và chị Nông Thị T kết hôn năm 2012, có ĐKKH tại UBND xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng làm công nhân tại công ty Sam sung, thuê nhà trọ sinh sống. Vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc, mâu thuẫn về nhiều vấn đề trong cuộc sống vợ chồng và ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân đã cho nhau nhiều cơ hội để đoàn tụ nhưng không được. Nay anh đồng ý ly hôn, xác định vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Phạm Duy M, sinh ngày 14/8/2014, anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung

Công nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

**Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về Luật áp dụng: Áp dụng điều 51, 55, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị:

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị T và anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Duy M, sinh ngày 14/8/2014 cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung: đều không có.

- Về án phí: Căn cứ điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Thủy phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Nông Thị T và anh Phạm Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Anh H đang tạm trú tại TDP Đ, phường B; chị T tạm trú tại TDP A, phường Đ, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Anh chị cùng thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên giải quyết ly hôn. Căn cứ điều 28, điều 35, điều 39 BLTTDS năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh chị là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về nội dung:* Chị Nông Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.1]. Về quan hệ vợ chồng: Sau khi kết hôn anh chị cùng công nhân tại Bắc Ninh, từ năm 2014 anh chị chuyển về huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên) làm việc.

Từ khi sinh con anh chị có thời gian sống cùng bố mẹ chị T và để con lại cho ông bà ngoại chăm cháu vợ chồng cùng đi làm. Trong cuộc sống vợ chồng anh chị

cùng xác định vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc, nguyên nhân cho rằng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh chị cùng cho rằng đã cố gắng nhưng không thể níu kéo được tình cảm vợ chồng, đồng ý ly hôn để giải thoát cho cả 2 người. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng và kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ. Cần thiết công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2.2]. *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Phạm Duy M, sinh ngày 14/8/2014. Từ khi vợ chồng ly thân con chung vẫn do chị T và ông bà ngoại chăm sóc. Anh H đề nghị được nuôi con nhưng thừa nhận khoảng 1 năm nay anh không chu cấp về kinh tế, không thăm con. Chị T yêu cầu được nuôi con, về điều kiện chăm sóc con của chị T, hiện tại chị có công việc ổn định, có thu nhập. Xét thấy con chung còn nhỏ, để ổn định cho con chung khi cha mẹ ly hôn thấy cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao con cho chị T nuôi dưỡng cũng đảm bảo được quyền lợi của con chung khi cha mẹ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

[2.3]. *Về tài sản chung và các khoản nợ chung, cho vay chung*: anh chị xác định đều không có.

[3]. *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nông Thị T đối với anh Phạm Văn H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị T và anh Phạm Văn H.

- *Về con chung*: Giao con chung Phạm Duy M, sinh ngày 14/8/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi chị T có yêu cầu.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung*: đều không có

4. *Về án phí*: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009770 ngày 19/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, anh H tại phiên tòa. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Đ;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Hồng

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Thành Công;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Hồng

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Mạc Thị Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Hồng